TÒA ÁN NHÂN DÂN
THỊ XÃ B
TỈNH T

Số:01/2021/ QĐST-KDTM

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập- Tự do- Hạnh phúc

B, ngày 04 tháng 01 năm 2021

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ vào Khoản 1 Điều 30, Điều 212, Điều 213, khoản 3 Điều 144 và khoản 3 Điều 147 Bộ luật tố tụng Dân sự; Điều 280, 282, 292, 317, 318, 320, 322, 299, 463, 466, 468, 500 và 501 Bộ luật Dân sự;

Căn cứ Điều 90, 91 và Điều 95 Luật Tổ chức tín dụng năm 2010

Căn cứ Điều 6, khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 và danh mục mức án phí lệ phí ban hành kèm theo;

Căn cứ biên bản hòa giải thành ngày 24 tháng 12 năm 2020 về việc các đương sự thỏa thuận với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án kinh doanh thương mại sơ thẩm thụ lý số: 47/2020/TLST-KDTM ngày 13 tháng 11 năm 2020;

XÉT THẤY

Các thỏa thuận của các đương sự được ghi trong biên bản hòa giải thành về việc giải quyết toàn bộ vụ án là tự nguyện; Nội dung thỏa thuận giữa các đương sự không vi phạm diều cấm của luật và không trái với đạo đức xã hội;

Đã hết thời hạn bảy ngày, kể từ ngày lập biên bản hòa giải thành, không có đương sự nào thay đổi về thỏa thuận đó;

QUYẾT ĐỊNH

1/ Công nhận sự thỏa thuận của các đượng sự:

-Nguyên đơn: Ngân hàng TMCP Đ.

Địa chỉ: Tháp BIDV, 35 H quận H, thành phố H.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Phan Đức T- Chức vụ: Chủ tịch HĐQT.

Người được ủy quyền: ông: Trần Trung K, chức vụ: Giám đốc Ngân hàng TMCP Đ– chi nhánh thị xã B.

Người được ủy quyền lại: Ông Lê Xuân H, chức vụ: Phó giám đốc Ngân hàng TMCP Đ – chi nhánh thị xã B

- Bị đơn: **1/** Anh Lê Văn T - sinh năm 1969(chồng)
2/ Chị Phạm Thị D- sinh năm 1975(vợ)

Cùng địa chỉ: SN 32 đường Đ, khu phố 2, phường P, thị xã B, tỉnh Thanh Hóa.

2. Sự thỏa thuận của các đ- ơng sự cụ thể nh- sau:

- Về số nợ: Các đương sự thống nhất: Anh Lê Văn T và chị Phạm Thị D nợ Ngân hàng TMCP Đ tổng số tiền nợ gốc, nợ lãi trong hạn và lãi quá hạn tính đến hết ngày 23/12/2020 là 1.341.990.493đ*(Một tỷ, ba trăm bốn mươi mốt triệu, chín trăm chín mươi ngàn, bốn trăm chín ba đồng)*. Trong đó, nợ gốc là 980.000.000đ, lãi trong hạn là 258.460.931đ và lãi quá hạn là 103.529.562đ .

Anh Lê Văn T và chị Phạm Thị D có trách nhiệm liên đới thanh toán(trả nợ) cho Ngân hàng TMCP Đ số tiền 1.341.990.493đ *(Một tỷ, ba trăm bốn mươi mốt triệu, chín trăm chín mươi ngàn, bốn trăm chín ba đồng)* và lãi phát sinh theo Hợp đồng tín dụng đã ký với ngân hàng kể từ ngày 24/12/2020 cho đến khi thanh toán hết dư nợ cho ngân hàng.

Khi ngân hàng TMCP Đ có đơn đề nghị Thi hành án và có quyết định thi hành án, nếu bị đơn không thực hiện nghĩa vụ thanh toán, thì nguyên đơn có quyền yêu cầu thi hành án xử lý tài sản thế chấp(kê biên phát mại tài sản) theo các hợp đồng thế chấp đã ký giữa bên thế chấp và Ngân hàng TMCP Đ để thu nợ.

Tài sản thế chấp gồm: Quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất tại: Khu phố 2, phường P, thị xã B, tỉnh T theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số: CB 691683, số vào sổ cấp giấy chứng nhận: CH01348 do UBND thị xã B, tỉnh T cấp ngày 02/10/2015 đứng tên anh Lê Văn T và chị Phạm Thị D. Theo hợp đồng thế chấp bất động sản số: 01/2015/8003027/HĐBĐ ký ngày 26/10/2015).

Nếu việc phát mại tài sản mà không đủ trả nợ cho ngân hàng thì anh T, chị D phải tiếp tục trả cho ngân hàng số tiền còn nợ lại cho đến khi trả hết nợ. Nếu tài sản thế chấp sau khi phát mại trả cho ngân hàng còn thừa thì trả lại cho anh T, chị D.

*** Về án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm:** Anh Lê Văn T và chị Phạm Thị D phải nộp án phí KDTM là: 26.129.856đ(Hai mươi sáu triệu, một trăm hai mươi chín ngàn, tám trăm năm mươi sáu đồng)(mỗi người chịu 13.064.928đ).

Ngân hàng TMCP Đ được nhận lại số tiền tạm ứng án phí 25.637.628đ đã nộp tại Chi cục Thi hành án Dân sự Thị xã B theo biên lai thu số:AA/2019/0007121 ngày 13/11/2020.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi ban hành và không bị kháng cáo kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

4. Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Đương sự;
- VKDND thị xã B
- Chi cục Thi hành án;
- Lưu hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN

(Đã ký)

TỐNG THỊ HÀ